



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH
SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
HƯNG YÊN**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015: 15.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 601 Nguyễn Văn Linh, Phường An Tào, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (84) 321.3863892
- Fax: (84) 321.3864095
- Email: phs_hy@yahoo.com.vn
- Website: www.sachhungyen.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 40 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Luận | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đặng Minh Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đào Anh Sơn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trịnh Xuân Hiền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| • Ông Phạm Văn Nhung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| • Bà Bùi Thị Thùy | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|--|
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Luận | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2011
Miễn nhiệm ngày 01/07/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015 |
| • Bà Đinh Thị Bích Dung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30/4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 13 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 838/2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 15/07/2015 của Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.467.974.128	6.584.780.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		752.667.146	984.219.359
1. Tiền	111	5	452.667.146	984.219.359
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	300.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.970.559.899	5.000.652.271
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.285.681.142	4.669.300.671
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	23.326.480	27.920.520
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	500.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	167.824.373	303.431.080
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(6.272.096)	-
IV. Hàng tồn kho	140	12	1.744.747.083	599.908.887
1. Hàng tồn kho	141		1.744.747.083	599.908.887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.286.419.712	16.764.958.326
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	500.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.873.266.310	4.962.915.977
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.873.266.310	4.962.915.977
- Nguyên giá	222		6.766.152.977	6.807.062.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.892.886.667)	(1.844.147.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	10.998.873.678	10.870.334.116
- Nguyên giá	231		12.787.506.269	12.395.786.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.788.632.591)	(1.525.452.468)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		334.026.091	323.117.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	334.026.091	323.117.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		80.253.633	108.591.233
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	80.253.633	108.591.233
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		30.754.393.840	23.349.738.843

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.021.441.958	6.889.893.640
I. Nợ ngắn hạn	310		13.776.969.230	6.473.602.729
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	7.520.701.611	2.123.221.763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	178.423.916	306.673.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	394.710.192	355.992.909
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	128.855.623	115.072.000
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22a	414.709.091	316.327.272
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	386.056.260
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	5.130.000.000	2.850.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.568.797	20.258.797
II. Nợ dài hạn	330		244.472.728	416.290.911
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22b	244.472.728	416.290.911
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.732.951.882	16.459.845.203
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	16.732.951.882	16.459.845.203
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	245.864.900	245.864.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	24	21.324.550	21.324.550
4. Cổ phiếu quỹ	415	24	(116.756.000)	(116.756.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	619.613.753	575.911.208
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	962.904.679	733.500.545
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		669.798.000	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		293.106.679	733.500.545
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		30.754.393.840	23.349.738.843

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn Luận

Đinh Thị Bích Dung

Đinh Thị Bích Dung

Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	18.893.978.505	17.776.915.209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	206.915.170	101.595.476
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		18.687.063.335	17.675.319.733
4. Giá vốn hàng bán	11	27	16.641.517.073	15.943.047.420
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>2.045.546.262</u>	<u>1.732.272.313</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	109.740.639	42.320.807
7. Chi phí tài chính	22	29	246.385.375	109.189.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		183.825.067	71.847.500
8. Chi phí bán hàng	25	30a	133.435.200	165.571.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30b	1.276.681.848	1.009.479.762
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>498.784.478</u>	<u>490.352.568</u>
11. Thu nhập khác	31	31	40.987.499	777.100
12. Chi phí khác	32	32	170.562.546	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(129.575.047)</u>	<u>777.100</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>369.209.431</u>	<u>491.129.668</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	76.102.752	101.382.206
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>293.106.679</u>	<u>389.747.462</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	197	262
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		197	262

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn Luận

Đinh Thị Bích Dung

Đinh Thị Bích Dung

Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	11.969.392.396	10.719.751.425
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(12.258.656.578)	(9.233.880.853)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(704.058.444)	(458.498.427)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(170.041.444)	(37.012.500)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(76.201.184)	(75.060.035)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	325.809.525	262.270.884
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.283.292.553)	(698.473.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.197.048.282)	479.097.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(402.628.776)	(314.693.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.124.845	12.320.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(314.503.931)	(302.372.193)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.585.000.000	370.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.305.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.280.000.000	370.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(231.552.213)	546.725.224
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	984.219.359	829.831.074
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	752.667.146	1.376.556.298

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn Luận

Đinh Thị Bích Dung

Đinh Thị Bích Dung

Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2015: 15.000.000.000 đồng.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Phát hành sách các loại; giáo dục nghề nghiệp; cho thuê mặt bằng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty là chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm;

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.14 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn được ghi nhận khi công ty hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, ...

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Đối với các sản phẩm khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị.... áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Đối với hoạt động giáo dục – đào tạo của Trường THPT Ngô Quyền: Được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo. Năm 2010, Công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ hoạt động của trường Ngô Quyền, do đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2014 đến năm 2018.
Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp này được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN.
 - ✓ Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	300.108.572	208.577.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	152.558.574	775.642.359
Cộng	452.667.146	984.219.359

6. Các khoản tương đương tiền

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc	300.000.000	-
Cộng		300.000.000	-

Cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong vay theo hợp đồng số 03/2015/HĐCVV ngày 22/05/2015, thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày 22/05/2015 với lãi suất 10%/năm. Nếu hết thời hạn cho vay Công ty không có nhu cầu thu hồi vốn thì coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Nguyễn Thị Thu Hương - Yên Mỹ	2.653.372.145	1.246.059.280
Trần Thị Thùy - Văn Lâm- Hưng Yên	1.841.221.624	1.066.601.624
Các đối tượng khác	6.791.087.373	2.356.639.767
Cộng	11.285.681.142	4.669.300.671

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Chung Giám đốc	24.380.000	13.440.000
Cộng		24.380.000	13.440.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP ĐT & PT Trường phổ thông Công nghệ giáo dục	15.794.480	27.920.520
Trần Văn Hải	7.532.000	-
Cộng	23.326.480	27.920.520

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Bà Nguyễn Ngọc Hằng	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-

Cho bà Nguyễn Ngọc Hằng vay theo hợp đồng số 01/2014/HĐCV ngày 28/06/2014, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày 01/07/2014 với lãi suất 10%/năm. Thời hạn trả nợ gốc: ngày cuối cùng của thời hạn cho vay.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về BHXH, BHYT, BH	133.088.384	-	212.779.815	-
Phải thu về tiền điện, thuế...	1.260.647	-	2.400.867	-
Lãi cho vay phải thu	8.365.400	-	60.000.000	-
Các khoản tạm ứng	4.202.957	-	5.202.957	-
Phải thu khác	20.906.985	(6.272.096)	23.047.441	-
Cộng	167.824.373	(6.272.096)	303.431.080	-

Trong đó: Phải thu khác với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong (Lãi cho vay chưa thu)	Chung Giám đốc	8.365.400	-
Cộng		8.365.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:	6.272.096	-
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	6.272.096	-
Cộng	6.272.096	-

12. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	1.744.747.083	-	599.908.887	-
Cộng	1.744.747.083	-	599.908.887	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2015.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.184.500.291	622.562.686	6.807.062.977
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý	40.910.000	-	40.910.000
Số cuối kỳ	6.143.590.291	622.562.686	6.766.152.977
Khấu hao			
Số đầu kỳ	1.499.548.775	344.598.225	1.844.147.000
Khấu hao trong kỳ	141.617.550	23.489.955	165.107.505
Thanh lý	8.863.833	-	8.863.833
Giảm khác	107.504.005	-	107.504.005
Số cuối kỳ	1.524.798.487	368.088.180	1.892.886.667
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	4.684.951.516	277.964.461	4.962.915.977
Số cuối kỳ	4.618.791.804	254.474.506	4.873.266.310

- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 152.763.595 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 40.000.000 đồng.

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	12.395.786.584	12.395.786.584
Tăng trong kỳ	391.719.685	391.719.685
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	12.787.506.269	12.787.506.269
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	1.525.452.468	1.525.452.468
Khấu hao trong kỳ	155.676.118	155.676.118
Tăng khác	107.504.005	107.504.005
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.788.632.591	1.788.632.591
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	10.870.334.116	10.870.334.116
Số đánh giá lại cuối kỳ	10.998.873.678	10.998.873.678

- Giá trị còn lại của BĐSĐT đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015 là 9.675.360.400 đồng.
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 223.765.118 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015	31/12/2014
Xây dựng cơ bản	334.026.091	323.117.000
- Nhà sách Yên Mỹ	10.909.091	-
- Cài tạo nâng cấp siêu thị sách Hưng Yên	323.117.000	323.117.000
Cộng	334.026.091	323.117.000

17. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.657.083	23.795.833
Chi phí sửa chữa TSCĐ	63.596.550	84.795.400
Cộng	80.253.633	108.591.233

18. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	4.392.508.723	920.906.615
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	2.347.822.533	-
Các đối tượng khác	780.370.355	1.202.315.148
Cộng	7.520.701.611	2.123.221.763

b. Nợ quá hạn chưa thanh toán cho người bán

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.672.200.397	885.898.115
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	1.189.769.819	-
Các đối tượng khác	355.837.460	154.011.640
Cộng	4.217.807.676	1.039.909.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Trường THPT Yên Mỹ	165.000.120	75.000.120
Bà Hoa - Sách mầm non PGD Thành phố	-	138.185.984
Các đối tượng khác	13.423.796	93.487.624
Cộng	178.423.916	306.673.728

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	68.948.703	22.533.855	76.543.390	14.939.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	281.601.206	76.102.752	76.201.184	281.502.774
Thuế thu nhập cá nhân	5.443.000	5.753.600	11.196.600	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	143.102.250	44.834.000	98.268.250
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	355.992.909	251.492.457	212.775.174	394.710.192

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí lãi vay	128.855.623	115.072.000
Cộng	128.855.623	115.072.000

22. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Doanh thu cho thuê mặt bằng	414.709.091	316.327.272
Cộng	414.709.091	316.327.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Doanh thu cho thuê mặt bằng	244.472.728	416.290.911
Cộng	244.472.728	416.290.911

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	2.850.000.000	5.585.000.000	3.305.000.000	5.130.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương- CN Hưng Yên	-	5.000.000.000	3.200.000.000	1.800.000.000
- Vay cá nhân	2.850.000.000	585.000.000	105.000.000	3.330.000.000
Cộng	2.850.000.000	5.585.000.000	3.305.000.000	5.130.000.000

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	427.786.082	113.686.058	744.237.068	16.436.142.658
Tăng trong năm	-	-	-	-	34.439.068	-	733.500.545	767.939.613
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	744.237.068	744.237.068
Số dư tại 31/12/2014	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	462.225.150	113.686.058	733.500.545	16.459.845.203
Số dư tại 01/01/2015	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	575.911.208	-	733.500.545	16.459.845.203
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	43.702.545	-	293.106.679	336.809.224
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	63.702.545	63.702.545
Số dư tại 30/06/2015	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	619.613.753	-	962.904.679	16.732.951.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	669.798.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	11.560	11.560
- Cổ phiếu phổ thông	11.560	11.560
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.488.440	1.488.440
- Cổ phiếu phổ thông	1.488.440	1.488.440
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	733.500.545	744.237.068
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	293.106.679	733.500.545
Phân phối lợi nhuận	63.702.545	744.237.068
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	63.702.545	744.237.068
- Trích quỹ đầu tư phát triển	43.702.545	34.439.068
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.000.000	40.000.000
- Trả cổ tức bằng tiền	-	669.798.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	962.904.679	733.500.545

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015 - 2020 ngày 17/06/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/06/2015 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4,5% vốn điều lệ (tương ứng 669.798.000 đồng). Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 28/07/2015, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 24/07/2015, thời gian chi trả cổ tức từ ngày 10/08/2015.

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Doanh thu bán hàng hóa	17.543.641.140	16.801.327.573
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	7.739.233.108	7.107.336.586
+ Doanh thu bán sách bài tập	7.437.917.744	7.626.260.639
+ Doanh thu bán sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác	2.366.490.288	2.067.730.348
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	704.846.365	361.563.636
- Doanh thu dịch vụ trường THPT Ngô Quyền	645.491.000	614.024.000
Cộng	18.893.978.505	17.776.915.209

b. Doanh thu với các bên liên quan

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Cho thuê mặt bằng Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	120.381.819	184.967.922
Cộng	120.381.819	184.967.922

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chiết khấu thương mại	87.342.584	1.160.422
Hàng bán bị trả lại	119.572.586	100.435.054
Cộng	206.915.170	101.595.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Giá vốn hàng hóa đã bán	15.912.675.387	15.391.777.097
+ Sách giáo khoa	7.171.503.879	6.692.361.472
+ Sách bài tập	6.835.644.835	6.967.784.556
+ Sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác	1.905.526.673	1.731.631.069
- Giá vốn dịch vụ cho thuê mặt bằng	155.676.118	29.518.795
- Giá vốn dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	573.165.568	521.751.528
Cộng	16.641.517.073	15.943.047.420

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36.490.245	42.320.807
Chiết khấu thanh toán nhận được	73.250.394	-
Cộng	109.740.639	42.320.807

29. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	183.825.067	71.847.500
Chiết khấu thanh toán	55.563.308	37.341.500
Chi phí tài chính khác	6.997.000	-
Cộng	246.385.375	109.189.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	29.418.500	22.928.000
Chi phí hội nghị	91.608.000	79.767.000
Các khoản khác	12.408.700	62.876.790
Cộng	133.435.200	165.571.790

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	516.685.360	487.785.760
Thù lao HĐQT & BKS	48.600.000	46.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.875.158	164.409.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.408.100	37.045.151
Các khoản khác	559.113.230	273.739.356
Cộng	1.276.681.848	1.009.479.762

31. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền phạt thu được	3.396.000	777.100
Xử lý hàng thừa do kiểm kê	37.591.499	-
Cộng	40.987.499	777.100

32. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	32.046.167	-
Xử lý hàng thiếu do kiểm kê	39.516.379	-
Phạt vi phạm hợp đồng	99.000.000	-
Cộng	170.562.546	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	369.209.431	491.129.668
- Lợi nhuận từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	296.883.999	398.857.196
- Lợi nhuận từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	72.325.432	92.272.472
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	32.600.000	41.000.000
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ + thù lao HĐQT không tham gia điều hành)	32.600.000	41.000.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	401.809.431	532.129.668
- Thu nhập từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	329.483.999	439.857.196
- Thu nhập từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	72.325.432	92.272.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp	79.719.023	105.995.830
- Thuế TNDN từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	72.486.480	96.768.583
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	7.232.543	9.227.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	3.616.271	4.613.624
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	3.616.271	4.613.624
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	76.102.752	101.382.206
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	76.102.752	101.382.206
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	293.106.679	389.747.462
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	293.106.679	389.747.462
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.488.440	1.488.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	197	262

(*) Lãi cơ bản được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.792.402	10.775.155
Chi phí nhân công	851.576.810	556.185.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	320.783.623	310.160.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.434.600	298.703.627
Chi phí khác bằng tiền	734.099.203	558.178.248
Cộng	2.132.686.638	1.734.002.724

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý của công ty không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

37. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo hình thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Phòng Giáo dục và các trường học trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đây là các khách hàng truyền thống, có phát sinh giao dịch thường xuyên, thời hạn thanh toán kịp thời. Do đó, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro về tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	7.520.701.611	-	7.520.701.611
Chi phí phải trả	128.855.623	-	128.855.623
Vay và nợ thuê tài chính	5.130.000.000	-	5.130.000.000
Phải trả khác	-	-	-
Cộng	12.779.557.234	-	12.779.557.234
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.123.221.763	-	2.123.221.763
Chi phí phải trả	115.072.000	-	115.072.000
Vay và nợ thuê tài chính	2.850.000.000	-	2.850.000.000
Phải trả khác	386.056.260	-	386.056.260
Cộng	5.474.350.023	-	5.474.350.023

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	752.667.146	-	752.667.146
Phải thu khách hàng	11.285.681.142	-	11.285.681.142
Phải thu về cho vay	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khác	157.349.320	-	157.349.320
Cộng	12.695.697.608	-	12.695.697.608
31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	984.219.359	-	984.219.359
Phải thu khách hàng	4.669.300.671	-	4.669.300.671
Phải thu về cho vay	-	500.000.000	500.000.000
Phải thu khác	298.228.123	-	298.228.123
Cộng	5.951.748.153	500.000.000	6.451.748.153

38. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lương Ban giám đốc	116.955.000	100.548.000
Thù lao Hội đồng quản trị	48.600.000	40.800.000

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn Luận

Đinh Thị Bích Dung

Đinh Thị Bích Dung

Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2015